



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 33

CS  
D.A.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Duy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/12/2021
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/12/2021
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Vương Quang Hưng	Thành viên	
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/12/2021
Bà Vũ Lễ Ngọc Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/12/2021
Ông Trần Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
		Miễn nhiệm ngày 22/12/2021
Ông Trần Công Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/12/2021
Ông Phạm Duy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/12/2021
Ông Đỗ Tuấn Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên
Ông Hồ Phú Cường	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Huy

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

1/01/2022  
TH  
H  
S  
M  
04  
NG  
PH  
IN  
IÁC  
PI  
TP.



Số: 310322-002 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 08 năm 2020 và ngày 22 tháng 03 năm 2021.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Ngô Minh Quý**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2018-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Đào Trung Thành**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4700-2019-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>18.447.465.295</b>	<b>17.916.883.834</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.081.338.594	3.158.680.390
111	1. Tiền		1.081.338.594	3.158.680.390
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.108.933.922	13.363.704.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	524.654.538	666.909.469
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	107.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	12.600.000.000	12.605.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.984.279.384	20.914.851
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(99.176.443)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	62.556.708
140	IV. Hàng tồn kho	09	1.044.001.513	1.163.473.648
141	1. Hàng tồn kho		1.208.271.329	1.233.265.084
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(164.269.816)	(69.791.436)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		213.191.266	231.025.211
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	140.465.350	190.967.196
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	72.725.916	40.058.015
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>905.368.514.189</b>	<b>2.816.142.229</b>
220	II. Tài sản cố định		1.674.073.605	2.090.361.073
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.064.933.605	1.481.221.073
222	- Nguyên giá		24.556.565.017	25.174.128.653
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.491.631.412)	(23.692.907.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	609.140.000	609.140.000
228	- Nguyên giá		609.140.000	609.140.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	903.663.739.000	606.896.800
251	1. Đầu tư vào công ty con		902.540.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.123.855.592	685.372.905
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(116.592)	(78.476.105)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		30.701.584	118.884.356
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	30.701.584	118.884.356
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>923.815.979.484</b>	<b>20.733.026.063</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		1.707.799.598	952.789.490
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		1.707.799.598	952.789.490
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	514.219.164	450.176.064
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	60.884.640	26.371.977
314	3. Phải trả người lao động		538.284.167	392.401.705
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	15	594.411.627	83.839.744
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		922.108.179.886	19.780.236.573
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	922.108.179.886	19.780.236.573
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		918.049.800.000	18.049.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		918.049.800.000	18.049.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.686.327.380	(60.093.500)
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(914.353.746)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.914.347.993	1.914.347.993
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		457.704.513	790.535.826
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		790.535.826	625.978.112
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(332.831.313)	164.557.714
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>923.815.979.484</b>	<b>20.733.026.063</b>




Mai Thị Thúy Kiều  
Người lập



Đỗ Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



  
Phạm Văn Huy  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	6.258.307.444	7.965.382.571
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.258.307.444	7.965.382.571
11	4. Giá vốn hàng bán	19	5.848.984.014	7.106.833.243
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		409.323.430	858.549.328
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.528.156.228	1.136.198.761
22	7. Chi phí tài chính	21	186.181.110	31.656.643
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	19.668.182	19.108.182
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.328.153.463	1.785.320.846
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(596.523.097)	158.662.418
31	11. Thu nhập khác	24	268.412.517	52.224.294
32	12. Chi phí khác	25	4.720.733	13.661.097
40	13. Lợi nhuận khác		263.691.784	38.563.197
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(332.831.313)	197.225.615
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	32.667.901
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(332.831.313)</u>	<u>164.557.714</u>

*hh*

Mai Thị Thúy Kiều  
Người lập

Đỗ Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(332.831.313)	197.225.615
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		198.081.651	526.995.170
03	- Các khoản dự phòng		29.400.827	114.121.279
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.318.137.061)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.423.485.896)	838.342.064
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.755.111.293)	1.098.573.158
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.993.755	(90.849.929)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		235.010.108	376.694.627
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		138.684.618	(18.755.290)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.667.901)	(3.340.805)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.812.576.609)	2.200.663.825
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		272.727.273	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000	500.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(905.298.405.000)	(247.650.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.017.840.000	150.510.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		77.297.914	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(901.925.539.813)	402.860.000
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		902.660.774.626	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		902.660.774.626	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.077.341.796)	2.603.523.825
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.158.680.390	555.156.565
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>1.081.338.594</u>	<u>3.158.680.390</u>

*Chh*

*mmh*



Mai Thị Thúy Kiều  
Người lập

Đỗ Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Huy  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 918.049.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 918.049.800.000 đồng; tương đương 91.804.980 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 43 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 54 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

In ấn sách và ấn phẩm.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: bán buôn các loại sản phẩm giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, bán buôn vật tư thiết bị ngành in, bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục, nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn sách;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Trong năm 2021, do sức ép cạnh tranh trong ngành in dẫn tới Công ty không còn được hưởng hỗ trợ giá về đơn giá công in từ các nhà xuất bản. Bên cạnh đó, nhu cầu đặt in sách giáo khoa của các nhà xuất bản trong năm nay cũng giảm đáng kể. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty làm cho doanh thu giảm khoảng 1,7 tỷ (tương ứng tỷ lệ giảm 21,43%) và lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp giảm khoảng 530 triệu (tương ứng tỷ lệ giảm 268,76%) so với năm trước.

- Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 18,049 tỷ VND lên 918,049 tỷ VND để đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ("Hưng Vượng") với mục đích mở rộng ngành nghề kinh doanh sang đầu tư kinh doanh bất động sản. Theo đó Công ty đã mua lại 62,75% cổ phần của Hưng Vượng với giá mua là 902,020 tỷ VND (số vốn điều lệ tại thời điểm mua của Hưng Vượng là 1.208 tỷ VND). Tại ngày 11/01/2021, Hưng Vượng chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 62,75%.

- Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14 tháng 04 năm 2021, Công ty đã mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua là 520 triệu VND. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Tại ngày 15/04/2021, Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 52,00%.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |                     |
|-----------------------------|---------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | 08 - 15 năm         |
| - Máy móc, thiết bị         | 15 - 17 năm         |
| - Phương tiện vận tải       | 10 năm              |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không tính khấu hao |

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 24 tháng.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11/10  
ĐỒNG  
NHẬN  
KIỂM  
AA  
V KIỂM

11/10  
H  
KIỂM

## 2.13 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.15 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành  
Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## 2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.18 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn sách giáo khoa và diễn ra trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	82.652	6.864.523
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.081.255.942	3.151.815.867
	<u>1.081.338.594</u>	<u>3.158.680.390</u>



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	902.540.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vương Developer (*)	902.020.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát (*)	520.000.000	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.123.855.592	1.082.796.000	(116.592)	685.372.905	516.896.800	(78.476.105)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	-	-	117.553.675	84.930.000	(32.623.675)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	187.576.022	158.400.000	(29.176.022)
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Đà Nẵng	-	-	-	106.591.520	100.800.000	(5.791.520)
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội	192.592	76.000	(116.592)	7.414.800	2.186.800	(5.228.000)
- Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	1.033.663.000	1.082.720.000	-	117.920.000	117.920.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	-	-	-	12.330.000	12.330.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	-	-	45.986.888	40.330.000	(5.656.888)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ngãi (*)	60.000.000	-	-	60.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung (*)	30.000.000	-	-	30.000.000	-	-
	<b>903.663.855.592</b>	<b>1.082.796.000</b>	<b>(116.592)</b>	<b>685.372.905</b>	<b>516.896.800</b>	<b>(78.476.105)</b>

Giá trị hợp lý là giá đóng của tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 của các cổ phiếu được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn giao dịch UPCoM.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	62,75%	62,75%	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.
- Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát <sup>(2)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	52,00%	52,00%	In ấn, phát hành sách

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2020, trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại 62,75% cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer với giá mua 902,020 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 62,75%.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14/04/2021, trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua 520 triệu VND, Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 52,00%.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	161.553.176	-	396.086.066	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	363.101.362	-	-	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân Văn	-	-	141.460.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-	129.363.403	(99.176.443)
	<b>524.654.538</b>	-	<b>666.909.469</b>	<b>(99.176.443)</b>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại <i>Thuyết minh số 31</i> )	<b>524.654.538</b>	-	<b>396.086.066</b>	-

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuân Thiên (*)	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
	<u>12.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>12.605.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(\*) Hợp đồng vay vốn số 09/2019/HĐVV ngày 25/12/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định kỳ hạn, thời gian trả nợ gốc: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên vay nhận được văn bản yêu cầu trả gốc của Bên cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 12.600.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.008.400.004	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.192.149	-
Tạm ứng	1.974.879.380	-	15.267.424	-
Phải thu khác	-	-	3.455.278	-
	<u>2.984.279.384</u>	<u>-</u>	<u>20.914.851</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	-	-	44.273.200	13.281.960
- Nhà sách Bảo Ngọc	-	-	19.036.749	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế - Văn hóa Á Việt	-	-	13.500.000	-
- Các khoản khác	-	-	35.648.454	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.458.403</u>	<u>13.281.960</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	378.713.287	(84.440.810)	401.235.421	(52.051.657)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	740.859.148	-	743.330.769	-
Hàng hoá	88.698.894	(79.829.006)	88.698.894	(17.739.779)
	<u>1.208.271.329</u>	<u>(164.269.816)</u>	<u>1.233.265.084</u>	<u>(69.791.436)</u>

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tài	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(617.563.636)	(617.563.636)
Số dư cuối năm	<u>5.704.591.937</u>	<u>18.709.830.222</u>	<u>142.142.858</u>	<u>24.556.565.017</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.615.130.484	17.565.096.057	512.681.039	23.692.907.580
- Khấu hao trong năm	17.095.665	152.166.348	28.819.638	198.081.651
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(399.357.819)	(399.357.819)
Số dư cuối năm	<u>5.632.226.149</u>	<u>17.717.262.405</u>	<u>142.142.858</u>	<u>23.491.631.412</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	89.461.453	1.144.734.165	247.025.455	1.481.221.073
Tại ngày cuối năm	<u>72.365.788</u>	<u>992.567.817</u>	<u>-</u>	<u>1.064.933.605</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.927.410.471 VND

## 11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, với diện tích là 3.242,5 m<sup>2</sup>, thời gian sử dụng: lâu dài. Công ty đang thực hiện các thủ tục để đề nghị UBND Thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cập nhật quyền sử dụng đất từ Chi nhánh Nhà XBGD tại Đà Nẵng (tiền thân của Công ty) thành tên Công ty hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo tên Công ty.

## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.415.656	21.300.973
Chi phí mua bảo hiểm	8.050.892	17.653.330
Chi phí sửa chữa tài sản	110.998.802	146.174.181
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	5.838.712
	<u>140.465.350</u>	<u>190.967.196</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	30.701.584	118.884.356
	<u>30.701.584</u>	<u>118.884.356</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần In và Vật tư Sài Gòn	133.676.235	133.676.235	59.950.500	59.950.500
- Công ty TNHH Công nghệ Công nghiệp Thành Thái Việt Nam	105.600.000	105.600.000	81.400.000	81.400.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	77.000.000	77.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Đăng Lâm	70.278.736	70.278.736	-	-
- Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	-	-	86.074.924	86.074.924
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Thành Thái	-	-	81.400.000	81.400.000
- Phải trả các đối tượng khác	127.664.193	127.664.193	141.350.640	141.350.640
	<b>514.219.164</b>	<b>514.219.164</b>	<b>450.176.064</b>	<b>450.176.064</b>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	<b>1.260.000</b>	<b>1.260.000</b>	<b>1.260.000</b>	<b>1.260.000</b>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31)				

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	18.397.596	387.025.541	357.509.854	-	47.913.283
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.058.015	-	-	32.667.901	72.725.916	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.974.381	6.983.750	986.774	-	12.971.357
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.799.000	1.799.000	-	-
Các loại thuế khác	-	1.000.000	5.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.110.237	2.110.237	-	-
	<b>40.058.015</b>	<b>26.371.977</b>	<b>402.918.528</b>	<b>401.073.766</b>	<b>72.725.916</b>	<b>60.884.640</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.138.902	3.138.902
- Kinh phí công đoàn	53.739.563	38.592.851
- Phải trả về nhận chuyển nhượng cổ phần	520.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.533.162	42.107.991
	<b>594.411.627</b>	<b>83.839.744</b>



16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	18.049.800.000		(60.093.500)		(914.353.746)		1.914.347.993		625.978.112		19.615.678.859
Lãi trong năm trước	-		-		-		-		164.557.714		164.557.714
Số dư cuối năm trước	18.049.800.000		(60.093.500)		(914.353.746)		1.914.347.993		790.535.826		19.780.236.573
Số dư đầu năm nay	18.049.800.000		(60.093.500)		(914.353.746)		1.914.347.993		790.535.826		19.780.236.573
Tăng vốn trong năm nay <sup>(1)</sup>	900.000.000.000		(64.135.374)		-		-		-		899.935.864.626
Lỗ trong năm nay	-		-		-		-		(332.831.313)		(332.831.313)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ <sup>(2)</sup>	-		1.810.556.254		914.353.746		-		-		2.724.910.000
Số dư cuối năm nay	918.049.800.000		1.686.327.380		-		1.914.347.993		457.704.513		922.108.179.886

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Nguyễn Thị Kim Hiếu	27,23	250.000.000.000	0,00	-
- Võ Mỹ Tiên	27,23	250.000.000.000	0,00	-
- Mai Lê Hồng Sương	24,40	224.000.000.000	0,00	-
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0,42	3.816.000.000	21,14	3.816.000.000
- Công ty TNHH Đà Nẵng HQ Investment	0,00	-	17,45	3.150.000.000
- Các cổ đông khác	20,72	190.233.800.000	52,58	9.489.800.000
- Cổ phiếu quỹ	0,00	-	8,83	1.594.000.000
	<u>100</u>	<u>918.049.800.000</u>	<u>100</u>	<u>18.049.800.000</u>

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020 đã quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với việc chào bán số lượng 90.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư dự kiến theo danh sách đề tăng vốn điều lệ, và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0211/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 1012/2020/NQ-HĐQT ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 0501/2021/NQ-HĐQT ngày 05/01/2021. Công ty đã phát hành thành công số lượng 90.000.000 Cổ phiếu cho 07 cổ đông, thông tin chi tiết:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 900 tỷ VND;
- Danh sách 07 nhà đầu tư:
  - + Trịnh Ngọc Khánh mua 4.400.000 cổ phiếu;
  - + Hồng Bảo Ngân mua 4.400.000 cổ phiếu;
  - + Trương Hiền Vũ mua 4.400.000 cổ phiếu;
  - + Nguyễn Thu Thảo mua 4.400.000 cổ phiếu;
  - + Mai Lê Hồng Sương mua 22.400.000 cổ phiếu;
  - + Võ Mỹ Tiên mua 25.000.000 cổ phiếu;
  - + Nguyễn Thị Kim Hiếu mua 25.000.000 cổ phiếu.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành đã được dùng để mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer.

(2) Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0402/2021/NQ-HĐQT ngày 04/02/2021 đã quyết nghị thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty và Báo cáo Kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 01/BCKQ/CPQ-HTP ngày 24/03/2021, kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ của Công ty như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng đã thực hiện: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu;
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giá giao dịch bình quân: 17.095 đồng/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 19/03/2021;
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	18.049.800.000	18.049.800.000
- Vốn góp tăng trong năm	900.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	<u>918.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	-	159.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.804.980	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.914.347.993	1.914.347.993
	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.914.347.993</u>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	44.273.200	-
- Nhà sách Bảo Ngọc	19.036.749	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế - Văn hóa Á Việt	13.500.000	-
- Các đối tượng khác	35.648.454	-
	<u>112.458.403</u>	<u>-</u>

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	5.436.668.014	7.544.462.735
Doanh thu khác	821.639.430	420.919.836
	<u>6.258.307.444</u>	<u>7.965.382.571</u>
	<u>5.974.048.222</u>	<u>7.213.818.171</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31)

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	5.622.745.923	6.900.309.460
Giá vốn của hoạt động khác	131.759.711	136.732.347
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	94.478.380	69.791.436
	<b>5.848.984.014</b>	<b>7.106.833.243</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
Tổng giá trị mua vào:	<b>32.276.367</b>	<b>965.550.509</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>		

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.019.851.518	1.063.012.761
Lãi bán các khoản đầu tư	442.458.310	25.850.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.846.400	47.336.000
	<b>1.528.156.228</b>	<b>1.136.198.761</b>
<b>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan</b>		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>	<b>26.246.400</b>	<b>30.084.000</b>

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	264.540.623	2.438.102
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(78.359.513)	29.218.541
	<b>186.181.110</b>	<b>31.656.643</b>

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	19.668.182	19.108.182
	<b>19.668.182</b>	<b>19.108.182</b>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.025.246	52.485.874
Chi phí nhân công	962.510.973	1.277.301.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.819.638	61.756.363
Chi phí dự phòng	13.281.960	15.111.302
Thuế, phí, và lệ phí	5.000.000	11.636.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.281.791	57.928.099
Chi phí khác bằng tiền	1.272.233.855	309.101.162
	<b>2.328.153.463</b>	<b>1.785.320.846</b>

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.521.456	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	182.658.684	52.224.294
Thu nhập khác	31.232.377	-
	<u>268.412.517</u>	<u>52.224.294</u>

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản bị phạt	4.020.733	-
Chi phí khác	700.000	13.661.097
	<u>4.720.733</u>	<u>13.661.097</u>

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(332.831.313)	197.225.615
Các khoản điều chỉnh tăng	4.720.733	83.452.533
- Chi phí không hợp lệ	4.720.733	83.452.533
Các khoản điều chỉnh giảm	(65.846.400)	(47.336.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(65.846.400)	(47.336.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(393.956.980)	233.342.148
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	<u>46.668.430</u>
Giảm 30% thuế TNDN phải nộp	-	(14.000.529)
Thuế TNDN phải thu đầu năm	40.058.015	69.385.111
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(32.667.901)	(3.340.805)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	<u>72.725.916</u>	<u>40.058.015</u>

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.580.965.049	2.513.184.023
Chi phí nhân công	4.172.534.566	4.923.516.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.081.651	526.995.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	833.763.123	698.768.267
Chi phí khác bằng tiền	1.301.229.309	396.657.456
	<u>8.086.573.698</u>	<u>9.059.121.145</u>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.081.338.594	-	3.158.680.390	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.508.933.922	-	687.824.320	(99.176.443)
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.033.855.592	(116.592)	595.372.905	(78.476.105)
	<u>18.224.128.108</u>	<u>(116.592)</u>	<u>17.046.877.615</u>	<u>(177.652.548)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			1.108.630.791	534.015.808
			<u>1.108.630.791</u>	<u>534.015.808</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Đầu tư dài hạn	-	1.033.739.000	-	1.033.739.000
	<u>-</u>	<u>1.033.739.000</u>	<u>-</u>	<u>1.033.739.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Đầu tư dài hạn	-	516.896.800	-	516.896.800
	<u>-</u>	<u>516.896.800</u>	<u>-</u>	<u>516.896.800</u>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.081.338.594	-	-	1.081.338.594
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.508.933.922	-	-	3.508.933.922
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	<u>17.190.272.516</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.190.272.516</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.158.680.390	-	-	3.158.680.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	588.647.877	-	-	588.647.877
Các khoản cho vay	12.605.000.000	-	-	12.605.000.000
	<u>16.352.328.267</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.352.328.267</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.108.630.791	-	-	1.108.630.791
	<u>1.108.630.791</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.108.630.791</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	534.015.808	-	-	534.015.808
	<u>534.015.808</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>534.015.808</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 22/12/2021, Đại hội cổ đông Bất thường đã quyết nghị thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, thông qua phương án chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Thông tin chi tiết về các phương án này đã được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán. Đến thời điểm này Công ty đang trong quá trình làm thủ tục trình Ủy ban chứng khoán, sau khi có văn bản chấp thuận từ Ủy ban chứng khoán sẽ thực hiện theo trình tự quy định của pháp luật.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung chủ đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc chủ đầu tư



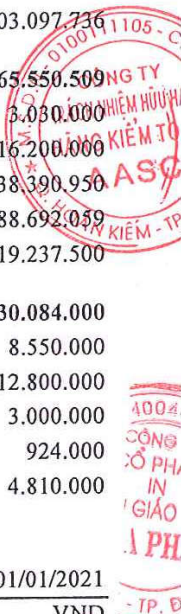
Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>5.974.048.222</b>	<b>7.213.818.171</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.098.402.567	2.006.697.445
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	415.944.001	218.347.597
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	2.256.156.654	3.585.675.393
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	203.545.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	1.403.097.736
<b>Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>32.276.367</b>	<b>965.550.509</b>
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	9.503.640	3.030.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	22.772.727	16.200.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	838.390.950
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	88.692.039
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	19.237.500
<b>Nhận cổ tức</b>	<b>26.246.400</b>	<b>30.084.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	7.500.000	8.550.000
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	9.800.000	12.800.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	6.300.000	3.000.000
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	246.400	924.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.400.000	4.810.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>524.654.538</b>	<b>396.086.066</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	363.101.362	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	161.553.176	396.086.066
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.260.000</b>	<b>1.260.000</b>
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	1.260.000	1.260.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
- Ông Lê Quốc Kỳ Quang - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22/12/2021)	11.700.000	-
- Bà Phạm Thị Thu Hương - Thành viên	9.360.000	-
- Ông Vương Quang Hưng - Thành viên	9.360.000	-
- Ông Trần Công Vinh - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	9.360.000	-
- Ông Phạm Duy - Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/12/2021)	104.360.000	272.726.500



32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam kiểm toán.



Mai Thị Thúy Kiều  
Người lập



Đỗ Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

N. H. U. I. O. N.

